



**Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)
Dự án quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM)**

TƯ VẤN ĐỊA PHƯƠNG

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

**GS. TS. Võ Đại Hải
Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam**

Hà Nội - Tháng 4/2020

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. Đặt vấn đề.....	2
2. Mục tiêu tư vấn.....	3
3. Nhiệm vụ tư vấn.....	3
4. Phương pháp thực hiện.....	4
5. Các kết quả đạt được của Hợp phần 3.....	4
5.1. Đầu ra 1: Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý...4 hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập. .	
5.2. Đầu ra 2: Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi.....7 ích (BSM) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).	
5.3. Đầu ra 3: Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh.....11 học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.	
6. Đánh giá Hợp phần 3 theo 5 yếu tố.....	12
6.1. Đánh giá sự phù hợp của Hợp phần 3 với mục tiêu chung, sự ưu tiên và.....12 Các chính sách của Việt Nam và của tỉnh Lâm Đồng.	
6.2. Đánh giá hiệu suất của dự án.....	13
6.3. Đánh giá ảnh hưởng của dự án.....	15
6.4. Đánh giá tính hiệu quả của dự án.....	17
6.5. Đánh giá tính bền vững của dự án.....	19
7. Kết luận và kiến nghị.....	21
7.1. Kết luận.....	21
7.2. Kiến nghị.....	22
Tài liệu tham khảo.....	23
Kế hoạch thực hiện hợp đồng tư vấn.....	25

1. Đặt vấn đề

Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) và Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn (Bộ NN & PTNT) gần đây đã đưa ra một dự án chung có tên là “Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Bền vững (SNRMP)” nhằm nâng cao năng lực của ngành lâm nghiệp Việt Nam trong quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững. SNRMP bao gồm 4 hợp phần sau để giải quyết các vấn đề quan trọng về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững ở Việt Nam, cụ thể: i) quản lý rừng bền vững thông qua sự thúc đẩy của REDD+ và ii) bảo tồn ĐDSH thông qua phát triển quản lý hệ thống sinh thái hợp tác trong lĩnh vực này cũng như các cuộc thảo luận chính sách.

Hợp phần 1: Hỗ trợ chính sách

Hợp phần 2: Quản lý rừng bền vững và REDD+

Hợp phần 3: Bảo tồn ĐDSH

Hợp phần 4: Chia sẻ kiến thức

Hợp phần 3, hợp phần bảo tồn ĐDSH (sau đây gọi tắt là Dự án), sẽ được thực hiện trong khu dự trữ sinh quyển mới được thành lập có tên là khu Dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang (DTSQLB) ở tỉnh Lâm Đồng. Đây là khu DTSQ thứ 9 của Việt Nam và là khu DTSQ đầu tiên ở vùng Tây Nguyên, thuộc tỉnh Lâm Đồng được UNESCO công nhận năm 2015. Tổng diện tích khu DTSQLB là 275.429 ha, bao gồm 34.943 ha vùng lõi, 72.232 ha vùng đệm và 168.264 ha vùng chuyển tiếp. Khu DTSQLB nằm trên địa bàn 5 huyện: Lạc Dương, Lâm Hà, Đôn Dương, Đức Trọng, Đam Rông và thành phố Đà Lạt. Vùng lõi khu DTSQLB nằm trong Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà, vùng đệm là các diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng bao quanh vùng lõi. Vùng chuyển tiếp bao gồm thành phố Đà Lạt và các huyện tiếp giáp với vùng đệm.

Mục tiêu chính của dự án là thiết lập một hệ thống quản lý hệ sinh thái tích hợp và hợp tác để bảo tồn và quản lý bền vững khu DTSQLB. Đặc biệt, dự án hướng đến: i) thiết lập một khung thể chế cần thiết cho quản lý và hoạt động của khu DTSQLB; ii) nâng cấp/cải thiện mô hình quản lý hợp tác với cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) như một công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ; và iii) sử dụng kết quả giám sát rừng và giám sát ĐDSH để quản lý vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQLB.

Đến cuối tháng 12 năm 2019, Hợp phần 3 đã thực hiện thành công và gần như hoàn thành tốt các hoạt động của các Tiêu Hợp phần, Các hệ thống/ công cụ được hợp phần 3 phát triển sẽ được sử dụng rộng rãi trong Khu DTSQLB và các khu sinh quyển ở Việt Nam để quản lý tốt hơn các hệ sinh thái sau khi dự án kết thúc. Do đó, việc đánh giá các hệ thống/ công cụ do Hợp phần 3 phát triển là điều hoàn toàn cần thiết để thuyết phục các tổ chức có liên quan áp dụng.

Báo cáo này được xây dựng theo hợp đồng tư vấn ký kết với tổ chức JICA - Dự án SNRMP (Hợp phần 3) để đánh giá các hoạt động của dự án theo 5 yếu tố: Sự phù hợp, hiệu suất, tác động, hiệu quả và tính bền vững. Việc đánh giá bao gồm cả các chính sách có liên quan đến hệ thống/công cụ do Hợp phần 3 đã phát triển thông qua việc phân tích

các thông tin/số liệu đã có cũng như khảo sát hiện trường và phỏng vấn các bên có liên quan.

2. Mục tiêu tư vấn

Mục tiêu chung của tư vấn địa phương là xây dựng báo cáo về các hoạt động của dự án theo các tiểu hợp phần 1, 2 và 3.

3. Nhiệm vụ tư vấn

- i) Nghiên cứu tài liệu, tư liệu về 1) Ma trận thiết kế dự án của Hợp phần 3, 2) báo cáo giám sát/ đánh giá về các hoạt động của các Tiểu Hợp phần được soạn thảo bởi Hợp phần 3, 3) các chính sách liên quan đến các hoạt động của Hợp phần 3 ở cấp quốc gia / cấp tỉnh.
- ii) Sau khi kiểm tra / xem xét thông tin / dữ liệu đã có sẵn, nếu cần sẽ thu thập thông tin / dữ liệu cần thiết cho việc lập Báo cáo, bao gồm thông tin / dữ liệu được yêu cầu bởi Hợp phần 3 thông qua các phương tiện cần thiết bao gồm các cuộc phỏng vấn với các bên liên quan như thành viên Nhóm công tác và người dân có liên quan.
- iii) Xây dựng tóm tắt báo cáo không quá 5 trang bằng tiếng Anh / tiếng Việt để đánh giá theo 5 yếu tố (Mức độ liên quan, Hiệu suất, Tác động, Hiệu quả và Tính bền vững bao gồm hàm ý khuyến nghị chính sách của các hệ thống/ công cụ đã được phát triển) thông qua phân tích thông tin / dữ liệu có sẵn và nộp cho hợp phần 3 / PPMU để giải thích / tư vấn.

5 yếu tố đánh giá

Yếu tố	Mô tả
Phù hợp	Xem xét mức độ của hoạt động phù hợp với các ưu tiên và chính sách của tỉnh Lâm Đồng / Việt Nam: Các hoạt động và đầu ra của chương trình và dự án có phù hợp với mục tiêu chung và đạt được các mục tiêu đó không?
Hiệu suất	Chủ yếu đo lường mức độ các mục tiêu mà một chương trình hoặc một dự án đạt được
Tác động	Xem xét những thay đổi tích cực và tiêu cực như là kết quả của dự án. Điều này bao gồm các ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp và các ảnh hưởng mong đợi và bất ngờ.
Hiệu quả	Đo lường các đầu ra liên quan đến các đầu vào để xác định xem dự án có sử dụng nguồn lực hiệu quả để đạt được kết quả mong muốn hay không.
Bền vững	Đo lường xem lợi ích của dự án có khả năng tiếp tục sau khi đóng dự án hay không.

- iv) Dự thảo thảo Báo cáo tập trung vào 5 điểm trên dựa trên kết quả của tham vấn trên và gửi cho Hợp phần 3/ PPMU để cho ý kiến.
- v) Hoàn thiện dự thảo Báo cáo và tóm tắt báo cáo không quá 5 trang dựa trên các nhận xét từ Hợp phần 3/ PPMU và gửi cho Hợp phần 3/ PPMU để phê duyệt.

4. Phương pháp thực hiện

- i) Thu thập các tài liệu đã có:
 - Ma trận thiết kế dự án của Hợp phần 3.
 - Báo cáo hàng năm và báo cáo 6 tháng của Hợp phần 3.
 - Báo cáo đánh giá và giám sát hàng năm của Hợp phần 3.
 - Tài liệu về hoạt động của các tiểu hợp phần do Hợp phần 3 biên soạn.
 - Các văn bản quy phạm pháp luật/chính sách có liên quan đến mục tiêu, hoạt động và đầu ra của Hợp phần 3 ở cấp quốc gia và tỉnh Lâm Đồng.
- ii) Phân tích các tài liệu, số liệu đã thu thập được.
- iii) Làm việc với PPMU và cán bộ dự án để thu thập thêm các thông tin về quá trình và kết quả đạt được của Hợp phần 3 cho tới thời điểm hiện tại.
- iv) Khảo sát hiện trường EFLO về trồng nấm, cải thiện chuồng bò, sản xuất phân hữu cơ bằng vỏ cà phê.
- v) Phòng vấn PPMU, cán bộ dự án, các hộ gia đình tham gia các hoạt động EFLO về 5 yếu tố đánh giá.

5. Các kết quả đạt được của Hợp phần 3

Rất nhiều các hoạt động cụ thể của Hợp phần 3 đã được thực hiện và nhiều kết quả quan trọng cũng đã đạt được cho đến thời điểm hiện tại. Có thể tổng hợp các kết quả theo các đầu ra của dự án như sau.

5.1. Đầu ra 1: Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập

- Đã thành lập được Ban quản lý khu DTSQLB theo Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 03/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng, trong đó đã xác định rõ cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và kinh phí hoạt động cho Khu DTSQLB.
- Đã xây dựng được Kế hoạch quản lý 5 năm (2018-2022) cho khu DTSQLB (Theo Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng), trong đó đã xác định được các mục tiêu cụ thể nhằm đạt được sứ mệnh của khu DTSQLB; 9 chương trình hành động đã được xây dựng trong kế hoạch quản lý (1. Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên; 2. Bảo tồn các giá trị văn hóa; 3. EFLO; 4. Phát triển du lịch; 5. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường; 6. Truyền thông và giáo dục môi trường; 7. Nghiên cứu khoa học; 8. Đánh giá và giám sát; 9. Hợp tác quốc tế) với 35 tiểu chương trình, trong đó

có 24 tiêu chương trình ưu tiên thực hiện trong giai đoạn 2018 - 2022. Kinh phí thực hiện kế hoạch quản lý được xác định trong quyết định là 48,9 tỷ đồng. Khung thể chế cho việc thực hiện kế hoạch quản lý cũng đã được soạn thảo, bao gồm trách nhiệm của các bên có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ.

- Đã tổ chức 2 chuỗi các cuộc họp tham vấn với các đối tác chủ chốt của khu DTSQLB để thúc đẩy và hiểu sâu hơn về Chương trình Con người và Sinh quyển (MAB) cũng như kế hoạch quản lý của khu DTSQLB nhằm thu hút được sự tham gia tích cực của các bên vào các hoạt động của khu DTSQLB.

- Đã xây dựng kế hoạch hành động hàng năm (AAP) cho năm 2018 và 2019, thực hiện và giám sát thành công bởi các cơ quan cấp tỉnh dựa trên kế hoạch quản lý của khu DTSQLB. Kế hoạch quản lý thực hiện năm 2018 và 2019 đã đạt được một số kết quả bước đầu như sau: Năm 2018 có 8/9 chương trình với 20/35 tiêu chương trình được thực hiện với tổng kinh phí 257.959,2 triệu đồng. Năm 2019 có 9/9 chương trình bao gồm 24/35 tiêu chương trình với 93 tiểu hoạt động được thực hiện bởi 12 tổ chức/đơn vị có liên quan. Tổng kinh phí huy động cho thực hiện kế hoạch quản lý trong năm 2019 là 269.280,8 triệu đồng.

Bảng 1: Kinh phí và các chương trình thực hiện trong năm 2018-2019 tại khu DTSQLB

TT	Chương trình hành động	Kinh phí (Triệu đồng)	
		Năm 2018	Năm 2019
1	Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên	155.383,5	182.150,6
2	Bảo tồn các giá trị văn hóa	400,0	5.950,0
3	EFLO	34.110,1	12.081,5
4	Phát triển du lịch	2.042,0	4.486,8
5	Giảm thiểu ô nhiễm môi trường	56.832,0	55.557,0
6	Truyền thông và giáo dục môi trường	3.770,5	1.270,0
7	Nghiên cứu khoa học	4.881,6	6.372,9
8	Đánh giá và giám sát	539,0	412,0
9	Hợp tác quốc tế	0	1.000,0
	Tổng cộng	257.959,2	269.280,8

(Nguồn: Báo cáo giám sát năm 2019 - SNRMP)

Kinh phí thực hiện năm 2019 bao gồm 4 nguồn sau đây:

- (i). Kinh phí địa phương: 233.061,8 triệu đồng, chiếm 86,5%
- (ii). Kinh phí ODA: 22.968,0 triệu đồng, chiếm 8,5%.

(iii). Kinh phí trung ương: 11.300,0 triệu đồng, chiếm 4,2%

(iv). Kinh phí xã hội hóa: 1.951,0 triệu đồng, chiếm 0,7%.

- Diễn đàn quản lý hợp tác (CMP) được phê duyệt theo Quyết định số 198/QĐ-BQL ngày 30/01/2018 của Ban quản lý khu DTSQLB. Diễn đàn quản lý hợp tác là một diễn đàn chính thức được tổ chức nhằm thảo luận rộng rãi giữa các bên có liên quan về các vấn đề của địa phương để đạt được sự thỏa thuận/nhất trí giải quyết các vấn đề và chia sẻ các mô hình thực tiễn tốt phục vụ cho công tác quản lý của khu DTSQLB.

- 4 Diễn đàn hợp tác quản lý đã được tổ chức thành công tại khu DTSQLB với sự tham gia đầy đủ của các bên có liên quan nhằm xác định các vấn đề của địa phương, thảo luận đi đến thống nhất về hành động hợp tác, trong đó xác định rõ vai trò và trách nhiệm của các đơn vị có liên quan để giải quyết các vấn đề còn tồn tại đó.

i) Diễn đàn hợp tác quản lý lần thứ nhất: “*Ô nhiễm hồ chứa cung cấp nước cho người dân ở xã Đa Nhim và sự cần thiết phải quản lý hợp tác từ các bên có liên quan để kiểm soát ô nhiễm*” được tổ chức vào ngày 24/11/2017 tại Nhà cộng đồng của thôn Đa Raha, xã Đa Nhim. Dựa trên kết quả của Diễn đàn quản lý hợp tác này, các hoạt động hợp tác đã được thực hiện nhằm giảm thiểu ô nhiễm.

ii) Diễn đàn hợp tác quản lý lần thứ hai: “*Xây dựng mô hình chuồng bò cải tiến bằng nền sinh học*” được tổ chức vào ngày 9/3/2018 tại phòng họp của UBND xã Đa Nhim, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng. Dựa trên kết quả của Diễn đàn hợp tác này, các hoạt động hợp tác giữa các bên đã được thực hiện để xây dựng mô hình chuồng bò cải tiến, góp phần cải thiện sinh kế của người dân và giảm ô nhiễm.

iii) Diễn đàn hợp tác quản lý lần thứ ba: “*Tăng cường hợp tác thực thi pháp luật giữa các đối tác có liên quan về xâm lấn đất rừng - Ban quản lý rừng phòng hộ Đa Nhim*” được tổ chức vào ngày 25/9/2018 tại phòng họp của UBND xã Đa Nhim, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng. Dựa trên kết quả của Diễn đàn hợp tác này, hoạt động hợp tác giữa các bên có liên quan đã được thực hiện nhằm giảm sự xâm lấn đất rừng.

iv) Diễn đàn hợp tác quản lý lần thứ tư: “*Phát triển trồng nấm - giải pháp cây trồng thân thiện với môi trường cho khu DTSQLB*” được tổ chức vào ngày 17/5/2019 tại phòng họp của Vườn quốc gia Bidoup - Núi Ba, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng. Dựa trên kết quả của Diễn đàn hợp tác này, hoạt động hợp tác giữa các bên có liên quan đã được thực hiện để mở rộng mô hình trồng nấm shiitake, góp phần cải thiện sinh kế cho rất nhiều người dân địa phương.

- Đã tổ chức hội thảo chia sẻ thông tin và các lớp tập huấn kỹ thuật tại khu DTSQLB để chia sẻ thông tin liên quan đến Chương trình sinh quyển và con người (MAB) cũng như các kết quả của dự án với các tỉnh lân cận như Đắk Lắk, Ninh Thuận và Khánh Hòa theo hướng mở rộng khu DTSQLB bao trùm lên các khu bảo tồn ở các tỉnh trong tương lai.



Ảnh 1: Hội thảo chia sẻ thông tin và tập huấn kỹ thuật

5.2. Đầu ra 2: Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang

- Đã đánh giá Thỏa thuận quản lý hợp tác do dự án trước đây xây dựng “*Dự án Tăng cường năng lực quản lý Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà dựa vào cộng đồng*” do JICA tài trợ và kết thúc tháng 01/2014 nhằm phát triển các ý tưởng nâng cấp CMA.

- Đã điều tra kinh tế - xã hội các thôn mục tiêu để xây dựng và thực hiện các hoạt động có liên quan đến CMA đã nâng cấp.

- Đã nâng cấp CMA với PFES và EFLO là cơ chế chia sẻ lợi ích chính cho việc bảo tồn các hệ sinh thái rừng và cải thiện sinh kế của người dân liên quan đến CMA ở vùng lõi và vùng đệm khu DTSQLB.

- Đã xây dựng kế hoạch hoạt động cho việc triển khai thực hiện EFLO, CBET và CMA tại các thôn mục tiêu.

- Đã vận hành thử nghiệm CMA với các cơ chế chia sẻ lợi ích BSMs, trong đó có PFES theo kế hoạch hoạt động đã xây dựng trên đây, qua đó đã cải thiện việc tuần tra rừng PFES để tăng hiệu quả bảo vệ rừng và nâng cao sinh kế của người dân trong thôn có liên quan.

- Đã tổ chức các lớp tập huấn về lý thuyết và thực hành về CMA, BSM, CBET và EFLO cho cán bộ của các cơ quan, ban ngành của tỉnh và những người dân sống trong thôn có liên quan đến CMA.

- Đã triển khai hoạt động cải tiến chuồng bò và trồng nấm Shiitake nhằm cải thiện sinh kế cho người dân địa phương và cải thiện môi trường như là một cơ chế chia sẻ lợi ích ở các thôn mục tiêu.

- Đã soạn thảo các tài liệu hướng dẫn về thỏa thuận quản lý hợp tác đã nâng cấp với cơ chế chia sẻ lợi ích ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQLB (Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà và rừng phòng hộ Đa Nhim) dựa trên các hoạt động thử nghiệm CMA bao gồm cơ chế chia sẻ lợi ích để tiếp tục triển khai thực hiện tại khu DTSQLB sau khi dự án kết thúc.



Ảnh 2: Chuồng bò cải tiến



Ảnh 3: Ủ phân phân hữu cơ từ vỏ cà phê

- Chương trình giáo dục môi trường được thiết kế với tư tưởng “Mỹ thuật - Thiên nhiên - Vui vẻ”; Dự án đã xây dựng các tài liệu về giáo dục môi trường cho học sinh trung học phổ thông ở Việt Nam cũng như sinh viên quốc tế; tổ chức hàng loạt các khóa đào tạo và tham quan thử nghiệm.



Ảnh 4: Chương trình giáo dục môi trường

- Đã lắp đặt một hệ thống lọc nước công nghệ chất lượng cao của Nhật Bản với công suất 1.500 lít/giờ tại Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà và đã hướng dẫn/đào tạo cán bộ vận hành và bảo dưỡng hệ thống. Thông qua hệ thống lọc nước này, khách tham quan bao gồm cả học viên của chương trình giáo dục môi trường có thể uống trực tiếp nước sạch chảy từ rừng ra và nhận thức tốt hơn về vai trò rất quan trọng của rừng trong việc bảo vệ nguồn nước. Kết quả kiểm nghiệm chất lượng cho thấy nước đạt tiêu chuẩn nước uống chất lượng cao. Hệ thống lọc nước này còn giúp cho việc giảm thiểu chất thải nhựa mà khách tham quan mang vào Vườn quốc gia.



Ảnh 5: Hệ thống lọc nước ở Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà

- Sửa chữa và nâng cấp nhà khách phục vụ cho phát triển giáo dục môi trường tại khu DTSQLB. Nhà khách được thiết kế dựa theo môi trường thiên nhiên và nền văn hóa dân tộc thiểu số bản địa xung quanh Vườn quốc gia. Bên cạnh đó, các tiện nghi sinh hoạt

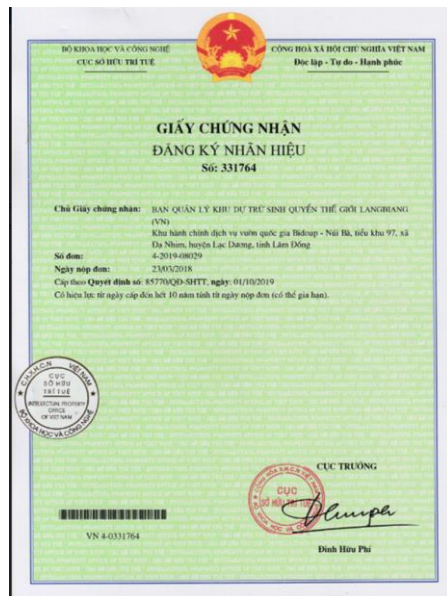
cũng đang được lắp đặt theo hướng mô hình rẽ tiền nhưng chỗ ở thuận tiện cho giáo dục môi trường.



Ảnh 6: Nâng cấp nhà khách (trái (đang thực hiện)) và thiết kế (phải)

- Đã xây dựng và triển khai các hoạt động thử nghiệm về sản xuất nấm theo chuỗi nói riêng và chiến lược marketing nói chung (bao gồm cả việc dán nhãn MAB) cho các sản phẩm địa phương tại khu DTSQLB: Logo and nhãn sinh thái cho khu DTSQLB đã được Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận (Giấy chứng nhận số 331764 theo Quyết định số 85770/QĐ-SHTT ngày 01/10/2019). Các sản phẩm bảo hộ gồm: Cà phê (nhóm 30), chè (nhóm 31, 39), du lịch sinh thái (nhóm 39), nấm (nhóm 29, 31).

- Đã soạn thảo các tài liệu về CMA với các cơ chế chia sẻ lợi ích ở vùng lõi và vùng đệm khu DTSQLB. Các tài liệu này sẽ được trình Ban quản lý khu DTSQLB trong thời gian tới để phê duyệt và tiếp tục thực hiện các hoạt động CMA tại khu DTSQLB sau khi dự án kết thúc.



Ảnh 7: Chứng nhận logo và đăng ký nhãn hiệu cho Khu DTSQLB

5.3. Đầu ra 3: Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQLB

- Đã xây dựng được bản đồ thảm thực vật khu DTSQLB, trong đó đã đánh giá diễn biến tài nguyên rừng trong giai đoạn 1990 - 2017.

- Đã tiến hành điều tra cơ bản về đa dạng sinh học năm 2017, qua đó đã phát hiện một loài rắn mới tên là *Oligodon rostralis*). Ngoài ra, nhiều loài nguy cấp nằm trong danh sách đỏ của IUCN bao gồm cả các loài cực kỳ nguy cấp đã được phát hiện thông qua quá trình giám sát và điều tra.



Ảnh 8: Loài rắn mới *Oligodon rostralis* đã được phát hiện

- Đã xây dựng hệ thống giám sát đa dạng sinh học và kế hoạch thực hiện dựa trên các kết quả điều tra cơ bản về đa dạng sinh học thực hiện năm 2016-2017 trên đây và đã soạn thảo sách hướng dẫn các hoạt động giám sát cho cán bộ quản lý và sở tay hướng dẫn cho cán bộ kiểm lâm.

- Theo thiết kế của hệ thống giám sát đa dạng sinh học, đã thiết lập 1 ô tiêu chuẩn định vị (1ha) và 6 tuyến điều tra ở các hệ sinh thái rừng khác nhau và tiến hành điều tra cơ

bản. Việc giám sát đa dạng sinh học được tiến hành bằng các bẫy ảnh lắp đặt ở các địa điểm nói trên. Kết quả là đã phát hiện được các loài quý hiếm, trong đó có loài Mang lớn (*Muntiacus vuquangensis*) được xếp loại rất nguy cấp trong Danh sách đỏ của IUCN.

- Đã tổ chức các khóa tập huấn về thực hiện hệ thống giám sát đa dạng sinh học và quản lý các số liệu thu thập được cho đội ngũ cán bộ, kiểm lâm và cán bộ của các tổ chức trực thuộc Sở Tài nguyên Môi trường.

- Các số liệu đã thu thập về thực vật, động vật, chim, bò sát, lưỡng cư và côn trùng thông qua điều tra cơ sở và thực hiện hệ thống giám sát đa dạng sinh học đã được đưa vào hệ thống BRAHAMS và cung cấp cho Bộ NN&PTNT, Bộ Tài nguyên và Môi trường thông qua các chuyên gia dài hạn.

- Đã xây dựng hệ thống giám sát rừng bằng thiết bị bay không người lái (flycam) nhằm nâng cao hiệu quả của việc giám sát rừng, trong đó có việc cải thiện tuần tra rừng PFES.

- Đã tổ chức các lớp tập huấn về thiết bị bay không người lái, vận hành data logger và quản lý cơ sở dữ liệu cho các cán bộ kỹ thuật và chủ rừng.

- Các cán bộ/kiểm lâm đã được đào tạo của Vườn quốc gia Bidoup-Núi Bà thực hiện giám sát rừng bằng thiết bị bay không người lái để phát hiện sớm sự thay đổi sử dụng đất lâm nghiệp và kiểm tra tính hiệu quả của các hợp đồng khoán bảo vệ rừng PFES.

6. Đánh giá Hợp phần 3 theo 5 yếu tố

6.1. Đánh giá về sự phù hợp của Hợp phần 3 với mục tiêu tổng thể dự án, sự ưu tiên và các chính sách của Việt Nam và của tỉnh Lâm Đồng

Các hoạt động hợp phần 3 đã tập trung vào: i) Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang; ii) Nâng cấp/cải thiện thỏa thuận hợp tác gắn với cơ chế chia sẻ lợi ích làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang, iii) Xúc tiến việc sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát ĐDSH cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQLB. Có thể thấy các hoạt động hợp phần 3 đã tập trung giải quyết những vấn đề mấu chốt nhất liên quan đến quản lý bền vững tài nguyên rừng và bảo tồn ĐDSH, cải thiện sinh kế của người dân vùng đệm và vùng lõi của khu bảo tồn nên phù hợp với mục tiêu bao trùm của dự án là: *thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững mang lại đa lợi ích cho người dân*. Hợp phần 3 đã triển khai nhiều hoạt động nâng cao năng lực quản lý cho các đối tượng chủ rừng, nhà quản lý, nhà khoa học, chính quyền cơ sở (xã, thôn),... với các chủ đề khác nhau, đáng chú ý là đã thiết lập được khung thể chế cho hoạt động của khu DTSQLB mà trọng tâm là Kế hoạch Quản lý 5 năm của khu DTSQLB được cấp có thẩm quyền phê duyệt (UBND tỉnh Lâm Đồng); các thỏa thuận quản lý hợp tác giữa các đơn vị chủ rừng, chính quyền cơ sở và cộng đồng ở vùng lõi và vùng đệm của Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà đã được xây dựng và vận hành thử nghiệm để xây dựng một công cụ thực hành và có hiệu quả cho công tác bảo tồn tài nguyên thiên nhiên trong khu DTSQLB, trong khi đó cải thiện sinh kế trong các thỏa thuận quản lý hợp tác sẽ nâng cao đời sống của các hộ dân trong khu DTSQLB; Thiết lập và vận hành hệ thống theo dõi

diễn biến rừng và giám sát ĐDSH có sử dụng công nghệ cao (flycam và các phần mềm tích hợp),... nên phù hợp với mục tiêu cụ thể của Hợp phần 3 là: *Hệ thống quản lý hệ sinh thái tổng hợp và có sự cộng tác của các bên liên quan được thiết lập để quản lý Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang.*

Nội dung và đầu ra của hợp phần 3 rất phù hợp với các ưu tiên và chính sách hiện hành của Việt Nam, bao gồm Luật Lâm nghiệp (2017), Luật Đa dạng sinh học (2008), Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng (Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ); Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng (Quyết định 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ); Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững 2016-2020 (Quyết định 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ); Chiến lược quản lý hệ thống rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo tồn vùng nước nội địa Việt Nam đến 2020, tầm nhìn năm 2030 (Quyết định 218/QĐ-TTg ngày 7/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ); Quy hoạch tổng thể bảo tồn Đa dạng sinh học cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ); Đề án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2016-2030 (Quyết định 297/QĐ-TTg ngày 18/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ); Chính sách tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng (Quyết định 07/2012/QĐ-TTg ngày 8/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ); Chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011-2020 (Quyết định 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ); Đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp (Quyết định số 1565/QĐ-BNN-TCLN ngày 8/7/2013 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT), Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020 (Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 9/01/2012 của thủ tướng chính phủ).

Nội dung và các đầu ra của hợp phần 3 phù hợp với các ưu tiên và chính sách hiện hành của tỉnh Lâm Đồng như: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 (Quyết định số 1462/QĐ-TTg ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ); Quy hoạch tổng thể bảo tồn ĐDSH tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng); Kế hoạch hành động triển khai thực hiện chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 10/6/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng).

6.2. Đánh giá hiệu suất của dự án

Dự án đã thiết lập được khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành khu DTSQ thế giới Lang Biang, trong đó có việc hỗ trợ thành lập Ban quản lý khu DTSQ thế giới Lang Biang, tỉnh Lâm Đồng (Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 03/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng), xây dựng logo và nhãn hiệu sinh thái cho khu DTSQLB và đã được cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp phép. Đặc biệt là dự án đã hỗ trợ xây dựng và thực hiện kế hoạch 5 năm (2018-2022) quản lý khu DTSQ thế giới Lang Biang được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt (Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày

27/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh). Đây là đầu ra rất quan trọng đã đạt được của dự án, giúp cho việc quản lý và vận hành khu DTSQ thế giới Lang Biang đi vào thực tiễn, cụ thể đã xây dựng được chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, kinh phí hoạt động của Khu DTSQLB cũng như mục tiêu, nội dung, kế hoạch 5 năm (chương trình thực hiện), nguồn kinh phí (ngân sách tỉnh, ngân sách trung ương và nguồn khác) và trách nhiệm của các bên có liên quan. Dự án đã hỗ trợ cho các hoạt động của ban thư ký và tổ chức các diễn đàn quản lý hợp tác,... Nhờ các kết quả đạt được của dự án mà hoạt động của Ban quản lý khu DTSQ thế giới Lang Biang đã được vận hành hiệu quả, nó đã trở thành hình mẫu cho hoạt động của các khu dự trữ sinh quyển thế giới khác ở Việt Nam.

Dự án đã nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) do dự án trước đây xây dựng: “*Dự án Tăng cường năng lực quản lý Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà dựa vào cộng đồng*” do JICA tài trợ kết thúc tháng 01/2014. Các điểm nâng cấp cơ bản trong CMA lần này so với phiên bản cũ như sau: i) Hiệu quả chi phí; Nếu xem xét quy mô áp dụng chi trả dịch vụ môi trường rừng (PFES) toàn quốc gia, trong đó có khu DTSQLB thì PFES đã trở thành cơ chế chia sẻ lợi ích chính để có thể áp dụng rộng rãi khi nó được lồng ghép với các hoạt động EFLO. So sánh với quỹ phát triển thôn bản cũng là một cơ chế chia sẻ lợi ích chủ yếu thì cơ chế này có khó khăn hơn trong việc thu tiền đóng góp để hình thành quỹ. ii) Tăng cường bảo vệ rừng; Dự án đã cải thiện công tác tuần tra rừng của nhóm nhận khoán bảo vệ rừng PFES. Cách tiếp cận này có hiệu quả hơn so với cách tiếp cận gián tiếp trước khi công tác bảo vệ rừng được thực hiện bằng các luật lệ thôn bản. iii) Diện tích mục tiêu được rộng và số lượng các bên tham gia nhiều hơn; Diện tích mục tiêu được mở rộng từ diện tích thôn sang toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp trong xã cùng với số lượng các bên tham gia CMA tăng lên như Ban quản lý rừng phòng hộ Đa Nhim. Biên bản ghi nhớ (MoU) giữa UBND xã, Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup-Núi Bà và Ban quản lý Khu DTSQLB được thiết kế để nhận được sự cam kết từ UBND huyện để thực hiện CMA thuận lợi và sự chấp thuận của Ban quản lý khu DTSQLB. Điều này đã làm gia tăng tính hiệu quả của các thỏa thuận hợp tác trong quản lý tài nguyên thiên nhiên của khu DTSQLB. Việc thực thi thỏa thuận quản lý hợp tác đã giúp cho các đơn vị chủ rừng thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quản lý tài nguyên rừng (điều 102, Luật Lâm nghiệp năm 2017) và đem lại lợi ích cho người dân tham gia thỏa thuận quản lý hợp tác.

- Hiệu suất của công tác tuần tra bảo vệ rừng theo PFES sẽ được nâng cao hơn với việc ứng dụng công nghệ mới như phát hiện sớm sự thay đổi sử dụng đất bằng giám sát qua thiết bị bay cũng như tăng cường khả năng và trách nhiệm của tổ bảo vệ rừng và kiểm lâm.

- Căn cứ vào thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) các nông hộ tham gia vào thỏa thuận này đã được dự án hỗ trợ các hoạt động cải thiện sinh kế như: trồng nấm, ủ phân hữu cơ, cải thiện chuồng bò, kỹ thuật chăm sóc và chế biến cà phê, hỗ trợ tiếp cận thị trường tiêu thụ nông sản,... ngoài ra dự án cũng đã kết hợp lồng ghép với các chương trình khác để nâng cao đời sống của người dân như chương trình 135, chương trình PFES, chương trình giảm thiểu ô nhiễm môi trường của Sở TNMT,....

- Hợp phần 3 đã xây dựng hệ thống giám sát rừng và đa dạng sinh học ở vùng lõi và vùng đệm khu DTSQLB, trong đó kết quả nổi bật nhất là đã xây dựng được hệ thống giám sát đa dạng sinh học (BMS). Cơ chế chia sẻ lợi ích và hệ thống giám sát bằng thiết bị thiết bị bay đã tạo điều kiện cho việc thực hiện giám sát rừng và đa dạng sinh học một cách hiệu quả ở khu DTSQLB.

6.3. Đánh giá tác động của dự án

Dự án đã đạt được kết quả tốt ở nhiều hoạt động nên nó có tác động rất lớn tới nhiều khía cạnh, cụ thể như sau:

- *Về nâng cao nhận thức, năng lực và chia sẻ thông tin:* Dự án đã tổ chức cho các cán bộ cấp tỉnh tham quan học tập về quản lý tài nguyên rừng và quản lý các Khu DTSQ ở Nhật Bản đã đem lại những kinh nghiệm tốt cho các cán bộ quản lý có trách nhiệm thực thi kế hoạch quản lý 5 năm của khu DTSQLB. Dự án đã hỗ trợ tổ chức 8 hội nghị cho khu DTSQLB với sự tham gia của các nhà quản lý từ cấp Trung ương đến địa phương, các tổ chức quốc tế, các nhà khoa học, người dân địa phương, chủ rừng,... để chia sẻ thông tin về các kinh nghiệm quản lý khu DTSQ, trình bày các thành quả của dự án cũng như tìm kiếm các cơ hội hợp tác về bảo tồn ĐDSH và bảo vệ tài nguyên rừng. Song song với việc triển khai các hoạt động, dự án đã tổ chức hàng loạt các lớp đào tạo, tập huấn cho các bên có liên quan về các chủ đề khác nhau, qua đó đã nâng cao nhận thức và năng lực của người dân cũng như chính quyền địa phương. Hoạt động giáo dục môi trường cũng giúp cho cộng đồng, du khách và học sinh hiểu biết và nhận thức tốt hơn về giá trị của khu DTSQ và bảo vệ môi trường.

- Việc xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên rừng và đa dạng sinh học sẽ giúp cho công tác theo dõi diễn biến rừng và giám sát ĐDSH được triển khai thực hiện trên thực tế. Kết quả điều tra, khảo sát và việc thiết lập các tuyến giám sát/ô tiêu chuẩn định vị và tài liệu hóa cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học là nền tảng tốt cho Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà xây dựng phương án quản lý rừng bền vững theo Luật Lâm nghiệp 2017 và đề án Du lịch sinh thái. Trên cơ sở kết quả đạt được của chương trình giám sát đa dạng sinh học của dự án, Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà đã ký biên bản ghi nhớ hợp tác với Leibniz - IZW (Cộng hòa Liên bang Đức) và tổ chức Global Wildlife Conservation (GWC) (Mỹ) để tiếp tục hợp tác, tìm kiếm các nguồn lực phục vụ cho công tác bảo tồn ĐDSH.

- Việc cải thiện lại quy trình, bố trí sắp xếp lại các tổ tuần tra bảo vệ rừng và theo dõi diễn biến rừng bằng thiết bị bay sẽ giúp cho công tác bảo vệ rừng được thuận lợi và hiệu quả hơn.

- *Về tính lan tỏa hoạt động EFLO:* Hoạt động hỗ trợ trồng nấm đã khẳng định nấm là loài phù hợp với khu DTSQLB về mặt môi trường thân thiện và hiệu quả kinh tế. Ngoài việc hỗ trợ 2 hộ gia đình làm thí điểm và 18 hộ phát triển mở rộng sau, Diễn đàn quản lý hợp tác lần thứ 4 đã được tổ chức để mở rộng mô hình sản xuất nấm shiitake, dựa trên kết quả đã đạt được các bên đã hợp tác mở rộng sản xuất trồng nấm. Cụ thể, huyện Lạc Dương đã có chương trình xây dựng chuỗi liên kết trồng và tiêu thụ nấm, kinh phí hoạt động năm 2020 là 200 triệu đồng. Huyện đã dành 6000 m² đất cho Công ty TNHH

Nguyên Long để phát triển mở rộng quy mô sản xuất phơi nấm, hiện tại cơ sở sản xuất mở rộng này đang được thi công và gần hoàn thành công trình. Dự kiến đến cuối năm 2020 sẽ có thêm 60 hộ mới tham gia phát triển trồng nấm. Như vậy, từ chỗ hoạt động trồng nấm chỉ là của dự án, chuyển sang thành chương trình hành động của huyện, xã với quy mô số lượng hộ tham gia lớn hơn, thể hiện tác động của dự án là rất lớn.



Ảnh 9: Diện tích mở rộng sản xuất phơi nấm của công ty Nguyen Long tại huyện Lạc Dương

- *Về phát triển kinh tế hộ, tạo công ăn việc làm gắn với xóa đói giảm nghèo:* Dự án đã tạo nhiều công ăn việc làm ổn định cho người dân địa phương thông qua hoạt động hỗ trợ trồng nấm, ủ phân bằng vỏ Cà phê, làm chuồng bò. Các hoạt động trồng nấm đã mang lại hiệu quả kinh tế rất rõ rệt và ổn định cho các hộ gia đình, trung bình 1 lều trồng nấm thu nhập 10-12 triệu đồng/tháng; hoạt động làm chuồng bò cũng giúp cho người dân có thêm nguồn thu nhập thông qua việc bán phân (trung bình 1 con bò 1 tháng bán được 600.000 đ tiền phân). Ngoài ra, việc sử dụng phân bón hữu cơ cho cà phê thay cho phân hóa học phải mua cũng tạo ra những lợi ích cho việc kinh doanh trồng cà phê vì phân bón chiếm gần 40% giá thành đầu tư. Vì vậy, việc ứng dụng phân hữu cơ cho cà phê mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- *Về giảm thiểu ô nhiễm môi trường:* Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng nói riêng và các tỉnh Tây Nguyên nói chung trong quá trình chế biến quả cà phê đã thải ra một lượng rất lớn vỏ Cà phê, gây tác động xấu tới môi trường. Dự án đã hỗ trợ công nghệ ủ phân hữu cơ bằng vỏ Cà phê cho các đối tượng là lực lượng nhận khoán bảo vệ rừng cho Vườn Quốc Gia Bidoup-Búi Bà và Ban quản lý rừng phòng hộ Đa Nhim ở 2 xã Đa Chai và Đa Nhim. Tổng cộng có 171 hộ gia đình tham gia vào các đợt tập huấn. Hoạt động này một mặt tạo ra phân bón cho cây trồng, mặt khác làm giảm thiểu ô nhiễm môi

trường. Thấy được vai trò và tác dụng của việc ủ phân này rất tốt, Chi cục Bảo vệ môi trường (Sở Tài Nguyên Môi trường) đã đưa vào chương trình hoạt động của mình với nội dung tập huấn cho các đơn vị sản xuất Cà phê. Ngoài ra, hoạt động làm chuồng bò cũng giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- *Góp phần giải quyết một số vấn đề bức xúc của địa phương*: Dự án đã tổ chức 4 diễn đàn quản lý hợp tác để thảo luận các vấn đề như lấn chiếm đất rừng, cải thiện sinh kế, ô nhiễm do chăn thả tự do và quản lý nguồn nước sinh hoạt với sự tham gia của các bên có liên quan nhằm tìm hiểu thực trạng vấn đề, nguyên nhân và các giải pháp. Diễn đàn quản lý hợp tác là một diễn đàn nhằm tạo cơ hội cho các bên có liên quan thảo luận để đi đến thống nhất về các giải pháp giải quyết những vấn đề của địa phương liên quan đến công tác quản lý của khu dự trữ sinh quyển LB cũng như chia sẻ kinh nghiệm và mô hình thực tiễn tốt. Diễn đàn đã góp phần giải quyết những vấn đề cấp bách của địa phương. Thông qua việc cải tiến chuồng bò và ủ phân hữu cơ của các hộ ở khu DTSQLB, hiệu quả kinh tế đã được cải thiện và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

6.4. Đánh giá hiệu quả của dự án

- Kế hoạch quản lý 5 năm khu dự trữ sinh quyển LB đã được triển khai thực hiện một cách có hiệu quả trong năm 2018 (8/9 chương trình với 20/35 tiểu chương trình ưu tiên đã được thực hiện với tổng kinh phí là 257.959,2 triệu đồng) và năm 2019 (9/9 chương trình với 24/35 tiểu chương trình ưu tiên đã được thực hiện năm 2019 với 269.280,8 triệu đồng). Ưu điểm của việc triển khai thực hiện kế hoạch quản lý là có sự điều phối và cơ chế lồng ghép các nguồn kinh phí và các hoạt động phù hợp với nhiệm vụ của kế hoạch quản lý của khu DTSQLB của các sở, cơ quan cấp tỉnh có liên quan cho việc xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động hàng năm của khu DTSQLB. Mặc dù nguồn lực của dự án là có hạn, phạm vi, đối tượng và nội dung hoạt động của dự án lại rộng và đa dạng, do đó để nâng cao hiệu quả của hợp phần 3 dự án đã có cách tiếp cận phù hợp, trong đó đáng chú ý là đã kế thừa các kết quả của dự án pha 1 về CMA, EFLO, CBET, tiếp tục duy trì, nâng cấp và cải thiện nó trong dự án, do đó đảm bảo tính liên tục, kế thừa và không lãng phí các nguồn lực đã đầu tư. Bên cạnh đó, dự án còn áp dụng cách tiếp cận có sự tham gia (của người dân và chính quyền địa phương) để một mặt huy động thêm các nguồn lực khác tham gia vào dự án và chuyển giao nhanh kết quả của dự án vào thực tiễn sản xuất, người dân là những người trực tiếp tham gia và được hưởng thành quả, do vậy dự án có tính ứng dụng cao.

- Các Diễn đàn quản lý hợp tác đã hỗ trợ cho việc xây dựng/ thực hiện các giải pháp bao gồm các hành động hợp tác giữa các bên có liên quan, trong đó có người dân địa phương, điều này đã mang lại lợi ích cho tất cả các bên. Dựa trên sự thỏa thuận đạt được của Diễn đàn quản lý hợp tác, dự án đã phát triển các hoạt động trồng nấm và xây dựng chuồng bò cải tiến, kết quả là sinh kế của người dân được cải thiện chỉ với một nguồn đầu tư nhỏ.

- Quan điểm đầu tư và triển khai thực hiện các hoạt động của dự án là dự án không đầu tư toàn bộ kinh phí cho các nội dung công việc mà thực hiện phương châm dự án và các đối tác cùng thực hiện, cùng đầu tư, đặc biệt là hoạt động trồng nấm, xây dựng chuồng bò và ủ phân bằng vỏ Cà phê của EFLO. Trong các hoạt động này, dự án chỉ đầu tư mang tính chất hỗ trợ như dự án tổ chức tham quan học tập, hỗ trợ phân nấm, dụng cụ, tập huấn và hướng dẫn phương thức canh tác theo chứng chỉ VietGAP, còn người dân phải làm lán, kệ, nhân công, vật tư khác bằng nguồn vốn của họ (đối với hoạt động trồng nấm); dự án hỗ trợ tham quan học tập, vật tư cho xây dựng nền chuồng bò sinh học, tập huấn còn người dân phải có bò và phải tự xây dựng chuồng bò cải tiến. Cách làm này rất hiệu quả, ngoài việc gắn kết lợi ích kinh tế và trách nhiệm của người dân địa phương với công việc và sản phẩm của dự án, mà còn sử dụng tốt và hiệu quả nguồn lực của dự án, biết huy động thêm nguồn lực tại chính tại chỗ. Với việc cải tiến chuồng bò, gia súc sinh trưởng nhanh hơn và có khả năng chống lại bệnh tật vì dễ tiêm vắc xin và kiểm soát dịch bệnh khi bị nhốt trong chuồng.

- Các hoạt động của dự án được thực hiện từng bước theo lộ trình và mở rộng dần quy mô, ví dụ cụ thể như hoạt động EFLO giai đoạn đầu dự án thực hiện thí điểm với quy mô nhỏ (2 hộ), sau khi đánh giá thành công thì mới mở rộng dần ra các hộ khác với quy mô lớn hơn như hoạt động hỗ trợ trồng nấm, làm chuồng bò và ủ phân bằng vỏ Cà phê: Giai đoạn thử nghiệm làm thí điểm với số lượng nhỏ hộ gia đình, sau đó phát triển và mở rộng ra quy mô ra 18 hộ. Bước đi và cách làm như vậy là thận trọng và rất chắc chắn, đảm bảo tính hiệu quả cao.

- Thực hiện hệ thống giám sát ở khu dự trữ sinh quyển LB thông qua 35 bẫy ảnh, đã phát hiện ra loài Mang lớn (*Muntiacus vuquangensis*) - một loài quý trong danh sách đỏ của IUCN (loài rất nguy cấp) và trong Sách Đỏ Việt Nam. Ngoài ra, một loài rắn mới (*Oligodon rostralis*) cũng được tìm thấy trong quá trình điều tra cơ sở về đa dạng sinh học in 2017. Bên cạnh đó, rất nhiều loài nguy cấp trong danh sách đỏ của IUCN bao gồm các loài rất nguy cấp cũng được tìm thấy trong quá trình giám sát đa dạng sinh học và điều tra. Hy vọng, trong những năm tới nhiều loài mới/quý, hiếm nữa sẽ được phát hiện thêm.



Ảnh 10: Loài Mang lớn (*Muntiacus vuquangensis*) đã được phát hiện qua các bẫy ảnh

6.5. Đánh giá tính bền vững của dự án

Dự án có tính bền vững thể hiện ở các khía cạnh sau đây:

- Kế hoạch quản lý 5 năm khu DTSQLB (2018 - 2022) sẽ tiếp tục được thực hiện sau khi dự án kết thúc theo cách mà dự án đã thực hiện trong các năm 2018 và 2019, đặc biệt là 9 chương trình với 35 tiểu chương trình đã được xây dựng trong kế hoạch hành động. Cơ chế điều phối và lồng ghép kinh phí/ hoạt động từ các nguồn khác nhau (kinh phí địa phương, kinh phí trung ương, ODA và kinh phí xã hội hóa) giữa các sở/ cơ quan ban ngành có liên quan sẽ tạo ra cơ hội cho việc thực hiện thành công kế hoạch quản lý khu DTSQLB.

- Việc theo dõi diễn biến tài nguyên rừng và giám sát đa dạng sinh học sẽ được tiếp tục duy trì/ thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của Ban quản lý Khu DTSQLB và các chủ rừng cũng như yêu cầu về công tác quản lý của Chính phủ Việt Nam. Đáng chú ý là dự án đã xây dựng một hệ thống giám sát ĐDSH hiện đại vào loại bậc nhất ở Việt Nam với 6 tuyến giám sát, ô tiêu chuẩn định vị, lắp đặt 35 bẫy ảnh. Để đảm bảo tính bền vững của hệ thống giám sát, một quyển sách hướng dẫn về hệ thống giám sát đa dạng sinh học cho các nhà quản lý và một sổ tay hướng dẫn về hệ thống giám sát đa dạng sinh học cho những người điều tra hiện trường đã được soạn thảo. Ngoài ra, hàng loạt tài liệu OJT và Off-JT đã được phân phát cho cán bộ các cấp của Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup-Núi Bà

cùng với việc sử dụng sách và sổ tay hướng dẫn hệ thống giám sát đa dạng sinh học. Đối với việc theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, các kỹ thuật mới như thiết bị bay không người lái, phần mềm xử lý ảnh từ thiết bị bay, data logger đã được ứng dụng để cải thiện hoạt động tuần tra rừng hiện tại do các chủ rừng phối hợp với những người nhận khoán bảo vệ rừng PFES. Cũng giống như giám sát đa dạng sinh học, dự án đã biên soạn sách hướng dẫn giám sát bằng thiết bị bay không người lái và đào tạo cho cán bộ của các chủ rừng, trong đó tập trung vào đào tạo OJT. Quy định sử dụng thiết bị bay không người lái và data logger đã được Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà và Ban quản lý rừng phòng hộ Đa Nhim ban hành với sự hỗ trợ của Dự án, trong đó quy định rõ vai trò và trách nhiệm của từng đơn vị. Hệ thống giám sát đa dạng sinh học và theo dõi diễn biến rừng này có thể xem xét đề xuất ứng dụng cho toàn bộ hoặc một phần ở các Vườn quốc gia/khu bảo tồn thiên nhiên khác tùy theo điều kiện cụ thể.

- Các hoạt động EFLO, CBET sẽ vẫn tiếp tục được duy trì khi dự án kết thúc. Hiện nay, các hoạt động trồng nấm, ủ phân bằng vỏ Cà phê và làm chuồng bò đã và đang tiếp tục được duy trì và mở rộng ra nhiều hộ khác ở trong và thậm chí ngoài các xã thí điểm. Theo kết quả đánh giá, giám sát hoạt động trồng nấm Shiitake của dự án SNRMP năm 2019 cho thấy các bên liên quan gồm: Sở NN&PTNT, Sở TNMT, UBND xã/huyện, người dân, một Doanh nghiệp tư nhân và Dự án hợp tác thành công để mở rộng mô hình trồng nấm hương Shiitake và tiếp tục thực hiện hoạt động này bằng nguồn vốn theo thỏa thuận của Diễn đàn quản lý hợp tác lần thứ 4. Nấm Shiitake chất lượng cao được sản xuất từ mô hình này hiện đang tiếp tục được cung cấp cho người tiêu dùng ở thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm các công ty Nhật Bản như AEON và một nhà hàng bán pizza thông qua chuỗi cung ứng liên kết giữa người dân, doanh nghiệp và người tiêu dùng. Một số hoạt động đã được đưa vào chương trình hoạt động của các cấp xã, huyện và tỉnh nên chắc chắn sẽ được tiếp tục triển khai thực hiện khi dự án kết thúc. Hoạt động CBET, trong đó có giáo dục môi trường vẫn duy trì ổn định, dự đoán với chủ trương phát triển du lịch sinh thái của Việt Nam nói chung và ở Lâm Đồng nói riêng cho khu DTSQLB và VQG Bidoup Núi Bà thì hoạt động CBET bao gồm cả giáo dục môi trường sẽ tiếp tục phát triển.

- Dự án không chỉ chú ý tạo ra sản phẩm mới như nấm mà còn chú ý tới việc xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ nấm nhằm tạo ra sự bền vững cho hoạt động sản xuất này.



Ảnh 11: Sản xuất nấm Shiitake ở xã Đa Nhim

- Thỏa thuận quản lý hợp tác sẽ tiếp tục được thực hiện với sự tham gia của các bên có trách nhiệm liên quan dựa trên các nguồn kinh phí có sẵn như kinh phí từ nguồn chi trả dịch vụ môi trường rừng và từ các chương trình/chính sách theo quyết định số 24/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định 75/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Quyết định 1600/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Dự án vùng đệm theo Nghị định 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Quyết định 297/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm các dự án đầu tư và phát triển vùng đệm do Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà quản lý (Điều 16, Nghị định 156/2018/NĐ-CP).

7. Kết luận và kiến nghị

7.1. Kết luận

- Tất cả các hoạt động theo ma trận thiết kế dự án đều đã được thực hiện với cách tiếp cận phù hợp và sự tham gia đầy đủ của tất cả các bên có liên quan.

- Cho đến thời điểm này, hầu hết tất cả các kết quả/ đầu ra của dự án đã được hoàn thành với chất lượng tốt, trong đó 3 thành tựu quan trọng nhất là: i) Đã xây dựng được khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) khu DTSQLB, đặc biệt việc phát triển các diễn đàn quản lý hợp tác là công cụ rất

quan trọng và phù hợp cho khu DTSQLB nhằm giải quyết các vấn đề còn tồn tại của địa phương thông qua sự hợp tác giữa các bên và dưới sự quản trị/ điều phối của Ban quản lý khu DTSQLB; ii) Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) với các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp là công cụ cho bảo tồn các hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm khu DTSQLB; iii) Các kết quả giám sát đa dạng sinh học và theo dõi diễn biến rừng được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm khu DTSQLB.

- Hợp phần 3 phù hợp với mục tiêu chung của dự án, sự ưu tiên và các chính sách của Việt Nam cũng như của tỉnh Lâm Đồng về quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và cải thiện sinh kế cho cộng đồng địa phương vùng lõi và vùng đệm của khu bảo tồn thiên nhiên.

- Dự án được đánh giá cao về hiệu suất, tác động, hiệu quả và bền vững.

7.2. Kiến nghị

- Tài liệu đã soạn thảo về thỏa thuận quản lý hợp tác với cơ chế chia sẻ lợi ích ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQLB cần phải được Ban quản lý khu DTSQLB phê duyệt càng sớm càng tốt và sau đó phải được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt để có thể ứng rộng rãi không chỉ cho khu DTSQLB mà còn ở các vườn quốc gia/khu bảo tồn thiên nhiên khác.

- Cơ chế chia sẻ lợi ích (BMS) đã được xây dựng cho khu DTSQLB, tuy nhiên nó chưa được thực hiện một cách đầy đủ vì thiếu kinh phí. Do đó cần phải có thêm kinh phí để triển khai thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích này. Cơ chế chia sẻ lợi ích cần được ứng dụng ở các Vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên khác tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của từng nơi.

- Ban thư ký có vai trò cực kỳ quan trọng đối với hoạt động của khu DTSQLB. Để khu DTSQLB vẫn tiếp tục duy trì hoạt động bình thường khi không có nguồn tài trợ (sau khi dự án kết thúc), cần thiết phải có một người tư vấn giỏi, có kinh nghiệm điều phối tốt làm chuyên trách trong ban thư ký của Ban quản lý khu DTSQLB hoặc giao cho một cán bộ của UBND huyện cùng một cán bộ của Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup-Núi Bà có kinh nghiệm điều phối và nắm bắt được tình hình thực tế của tỉnh như sinh kế của người dân địa phương.

- Cơ chế điều phối và lồng ghép các nguồn nhân lực/ tài chính/ kỹ thuật của các cơ quan và đối tác địa phương của Ban quản lý khu DTSQLB cần phải được tăng cường dưới sự chỉ đạo mạnh mẽ của UBND tỉnh Lâm Đồng cho việc phát triển/ thực hiện bền vững kế hoạch quản lý khu DTSQLB.

- Việc xây dựng thương hiệu nhãn sinh thái là rất tốt nhưng chưa gắn được với các sản phẩm cụ thể nào; chưa có quy định về việc sử dụng nhãn, cấp nhãn. Nếu không có bước đi tiếp theo thì khi dự án kết thúc hoạt động này sẽ không được tiếp tục duy trì.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chỉ thị số.13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.
2. Chính phủ, 2010: Nghị định số 117/2010/ND-CP ngày 24 tháng 10 năm 2010 về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng.
3. Quốc hội, 2017: Luật Lâm nghiệp, Luật số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017.
4. Quốc hội, 2008: Luật Đa dạng sinh học, Luật số 20/2008/QH12, ngày 13/11/2008.
5. Thủ tướng chính phủ, 2018: Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 Phê duyệt Đề án Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng.
6. Thủ tướng chính phủ, 2017: Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 Phê duyệt chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020.
7. Thủ tướng chính phủ, 2014: Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 7/02/2014 Phê duyệt Chiến lược quản lý hệ thống rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên, vùng nước nội địa của Việt Nam tới năm 2020, tầm nhìn tới năm 2030.
8. Thủ tướng chính phủ, 2014: Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08/01/2014 Phê duyệt kế hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia tới năm 2020, tầm nhìn tới năm 2030.
9. Thủ tướng chính phủ, 2019: Quyết định số 297/QĐ-TTg ngày 18/3/2019 Phê duyệt Đề án bảo vệ, phục hồi và phát triển bền vững rừng Tây Nguyên giai đoạn 2016-2030.
10. Thủ tướng chính phủ, 2012: Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 8/02/2012 Ban hành một số chính sách nhằm tăng cường công tác bảo vệ rừng.
11. Thủ tướng chính phủ, 2012: Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 về các chính sách đầu tư và phát triển rừng đặc dụng trong giai đoạn 2011-2020
12. Thủ tướng chính phủ, 2012: Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 9/01/2012 Phê duyệt kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020.
13. Thủ tướng chính phủ, 2011: Quyết định số 1462/QĐ-TTg ngày 23/8/2011 Phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng tới năm 2020.
14. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2013: Quyết định số 1565/QĐ-BNN-TCLN ngày 8/7/2013 Phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp.
15. UBND tỉnh Lâm Đồng, 2017: Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 Phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020, tầm nhìn tới năm 2030.
16. UBND tỉnh Lâm Đồng, 2016: Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 03/6/2016 về việc thành lập Ban quản lý Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang, tỉnh Lâm Đồng.

17. UBND tỉnh Lâm Đồng, 2018: Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 Phê duyệt Kế hoạch quản lý 5 năm (2018-2022) của Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang.
18. UBND tỉnh Lâm Đồng, 2013: Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 10/6/2013 Phê duyệt Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
19. Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM), 2017: Điều tra cơ sở về đa dạng sinh học cho Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM) (Hợp phần 3). Báo cáo cuối cùng, Viện Sinh thái học Miền Nam.
20. Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM), 2018: Đánh giá các hoạt động thực hiện trong năm 2018 của Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang.
21. Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM), 2018: Hướng dẫn và hệ thống giám sát kế hoạch hành động hàng năm cho Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang.
22. Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM), 2019: Báo cáo đánh giá và giám sát kế hoạch hoạt động năm 2019 của Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang.
23. Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM), 2019: Đánh giá kết quả thực hiện Diễn đàn quản lý hợp tác trong Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang.
24. Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM), 2018: Tập huấn về giám sát đa dạng sinh học trong vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà.
25. Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM), 2019: Các kết quả đạt được và những vấn đề còn tồn tại trong giám sát tài nguyên rừng và đa dạng sinh học khu Dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang.
26. Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM), 2019: Các kết quả chính đạt được của Hợp phần 3 dự án SNRM.

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TƯ VẤN

TT	Hoạt động	Số ngày làm việc	Thời gian thực hiện
1	Hà Nội – Đà Lạt: Xây dựng kế hoạch thực hiện gói thầu và thu thập các báo cáo, tài liệu, số liệu có liên quan.	3	23-25/02/2020
2	Nghiên cứu và phân tích các tài liệu, kết quả của Hợp phần 3 đã thu thập được theo Ma trận thiết kế dự án.	5	26-29/02/2020
3	Nghiên cứu các báo cáo đánh giá và giám sát các hoạt động của các tiểu hợp phần do Hợp phần 3 thực hiện.	6	01-05/3/2020
4	Phân tích các chính sách có liên quan đến các mục tiêu, hoạt động và đầu ra của Hợp phần 3 ở cấp quốc gia và tỉnh Lâm Đồng.	6	06-10/3/2020
5	Viết báo cáo tóm tắt đánh giá theo 5 tiêu chí	4	11-14/3/2020
6	Hợp phần 3 và Ban quản lý dự án tỉnh góp ý về báo cáo tóm tắt đánh giá theo 5 chỉ tiêu.	-	15-17/3/2020
7	Dự thảo báo cáo đánh giá dự án	10	18-27/3/2020
8	Hợp phần 3 và Ban quản lý dự án tỉnh nhận xét, góp ý báo cáo đánh giá dự án.	-	28-30/3/2020
9	Hoàn thiện báo cáo tóm tắt và báo cáo đánh giá dự án theo các góp ý của hợp phần 3 và Ban quản lý dự án tỉnh.	4	31/3-03/4/2020
10	Hà nội - Đà Lạt: Trình bày báo cáo đánh giá dự án cho Hợp phần 3 và Ban quản lý dự án tỉnh.	3	04-6/4/2020
11	Nộp báo cáo cuối cùng cho Ban quản lý dự án tỉnh.	-	07/4/2020
Tổng cộng		41	